

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 110/2026/QĐST- HNGĐ

Thanh Hoá, ngày 01 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 397, Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án mục 1.1 phần B danh mục về lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 139/2026/TLST-HNGĐ ngày 6 tháng 5 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. [Vũ Văn T](#), sinh năm: 1988

CCCD: 038088002924

2. [Nguyễn Thị Hoa H](#), sinh năm: 1991

CCCD: 038191025331

Cùng địa chỉ: [Thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa](#).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Anh [Vũ Văn T](#) và chị [Nguyễn Thị Hoa H](#) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và được [UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#) (cũ), nay là [xã T, tỉnh Thanh Hóa](#) cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2012. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp về tính cách, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, **anh T và chị H** đều xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của Anh [Vũ Văn T](#) và chị [Nguyễn Thị Hoa H](#).

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là:

[Vũ Thị Nhật V](#), sinh ngày 23/9/2013 và [Vũ Minh N](#), sinh ngày 02/12/2024.

[Anh T1](#) và chị [H](#) thống nhất, giao cả 02 cháu [Vũ Thị Nhật V](#) và [Vũ Minh N](#) cho mẹ [Nguyễn Thị Hoa H](#) trực tiếp nuôi dưỡng, bố [Vũ Văn T](#) cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đ/tháng/01 cháu (cả hai cháu là 8.000.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2026 đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Việc thỏa thuận về nuôi con chung của các bên là phù hợp nên Tòa án công nhận sự thỏa thuận về nuôi con giữa anh [Vũ Văn T](#) và chị [Nguyễn Thị Hoa H](#).

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 22 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh [Vũ Văn T](#) và chị [Nguyễn Thị Hoa H](#).

- Về con chung: Giao con chung cả 02 cháu [Vũ Thị Nhật V](#), sinh ngày 23/9/2013 và [Vũ Minh N](#), sinh ngày 02/12/2024 cho mẹ [Nguyễn Thị Hoa H](#) trực tiếp nuôi dưỡng, bố [Vũ Văn T](#) cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đ/tháng/01 cháu (cả hai cháu là 8.000.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2026 đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên được sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự, anh [Vũ Văn T](#) và chị [Nguyễn Thị Hoa H](#) mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), hai bên thống nhất chị [H](#) chịu lệ phí của cả hai người phải nộp. Chuyển số tiền chị [H](#) đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số: BLTU/25E/0003333 ngày 4 tháng 5 năm 2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Thanh Hoá sang phần lệ phí của chị [H](#) và anh [T](#). Như vậy, các đương sự đã thi hành xong khoản lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Thanh Hoá;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Xuân Sang